

23/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài nên chị Y yêu cầu ly hôn với anh G.

Thời gian chung sống chị Y và anh G không có con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên chị Y không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị Y và anh G chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do chị Y và anh G chung sống không còn hạnh phúc nên chị Y yêu cầu ly hôn với anh G. Vì vậy xử lý cho anh chị được ly hôn; con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn G. Do chị Y và anh G chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh G có địa chỉ tại ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Y thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh G nhưng anh G vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng chị Y có yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Y theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn G tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/3/2017. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện, chị Y yêu cầu ly hôn với anh G. Xét thấy, yêu cầu của chị Y là có cơ sở. Bởi vì, chị Y xác định thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được. Tại biên bản xác minh ngày 08/6/2020 người được xác minh cũng xác định thời gian chung sống vợ chồng chị Y có mâu thuẫn và được gia đình cha mẹ hai bên hàn gắn nhưng không có kết quả nên chị Y đã về nhà cha mẹ ruột chị Y sống khoảng 01 năm nay. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh G vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn G được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống chị Y và anh G không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án chị Y xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không có yêu cầu giải quyết; tại xác nhận ngày 06/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận thời gian chung sống anh chị không có bị ai khiếu kiện nợ tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn G.
2. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn G được ly hôn.
3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 06 tháng 5 năm 2020 chị Y có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011155 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang